

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy
ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Khoa Du lịch - Đại học Huế**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp ở mỗi trình độ đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Công văn số 4929/BGDĐT-GDDH ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc Áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành du lịch;

Xét đề nghị của Q.Trưởng Ban Đào tạo Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

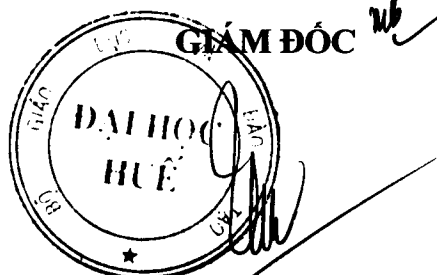
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số 7810103) áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành về du lịch.

Điều 2. Chương trình đào tạo nêu ở Điều 1 Quyết định này được tổ chức thực hiện từ khóa tuyển sinh 2018.

Điều 3. Các ông/bà Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng có liên quan của Đại học Huế và Khoa trưởng Khoa Du lịch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc ĐHH;
- Lưu: VT, Ban ĐT.



Nguyễn Quang Linh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-ĐHH ngày 11 tháng 01 năm 2018
của Giám đốc Đại học Huế)

Ngành đào tạo : **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

Mã số: **7810103**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế-chính trị-văn hóa-xã hội; Có các kỹ năng cơ bản, cần thiết và thái độ chuyên nghiệp nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực hiện tại đặc biệt là ở khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

1.2 Mục tiêu cụ thể

**) Yêu cầu về kiến thức:*

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-chính trị-văn hoá-xã hội.
- Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động hướng dẫn du lịch và hoạt động lữ hành.

**) Yêu cầu về kỹ năng:*

- Kỹ năng cứng: Có kỹ năng hướng dẫn du lịch, kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề,...
- Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp có tính chuyên nghiệp và ứng xử tốt, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học,...

**) Yêu cầu về thái độ:*

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân;
- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;
- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc;

**) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp*

Đối với chuyên ngành Hướng dẫn du lịch

- Hướng dẫn viên thuộc các công ty, các tổ chức có hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

- Chuyên viên các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về Lữ hành, các tổ chức phi chính phủ về du lịch lữ hành. Chủ đầu tư hoặc chuyên gia quản lý các doanh nghiệp lữ hành du lịch.

- Công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa - thể thao - du lịch, quan hệ công chúng và các cơ quan hữu quan khác từ trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, các đơn vị và doanh nghiệp du lịch, lữ hành thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

Đối với chuyên ngành Quản lý lữ hành

- Giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ hoặc chuyên viên ở các bộ phận chức năng trong các cơ sở kinh doanh lữ hành.

- Chuyên viên các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ Lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về Lữ hành, các tổ chức phi chính phủ về dịch vụ lữ hành. Chủ đầu tư hoặc chuyên gia quản lý các doanh nghiệp lữ hành du lịch.

**) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường*

Các sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Hướng dẫn du lịch và Quản lý lữ hành có thể tiếp tục học lên trình độ Sau Đại học của các ngành thuộc khối ngành Kinh tế học, Kinh doanh, ...

**) Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo*

Chương trình đào tạo này được tham khảo từ:

- “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ” (số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/08/2007, của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Các chương trình đào tạo bậc đại học thuộc ngành kinh tế của các Đại học quốc gia, các trường Đại học lớn trên toàn quốc và một số trường ở nước ngoài

2. Thời gian đào tạo

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được tiến hành đào tạo theo Quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo. Kế hoạch chương trình đào tạo dự kiến tiến hành trong 4 năm, tuy nhiên, chương trình đào tạo linh hoạt cho phép sinh viên có thể rút ngắn thời gian học từ 4 năm xuống còn 3 năm hoặc có thể kéo dài tối đa 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức toàn khoá là 120/152 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Bên cạnh đó, nhằm tạo điều kiện và tăng cường sự lưu động của sinh viên để họ có thể mở rộng cơ hội nghề nghiệp cũng như đẩy mạnh hợp tác, thúc đẩy quá trình liên thông giữa các trường, các hệ đào tạo trong nước và tiến đến liên thông với các trường đại học nước ngoài, Chương trình đào tạo Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành áp dụng cơ chế đặc thù sẽ công nhận các học phần tương đương của các Trường thuộc Đại học Quốc gia và Đại học Vùng. Đối với các học phần tương đương của các trường đại học khác sẽ được Hội đồng Đào tạo - Khoa học Khoa Du lịch xem xét đề nghị Khoa trưởng phê duyệt cho phép sinh viên có thể chuyển đổi tín chỉ tích lũy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo theo tín chỉ

vb

- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ, trong đó phần bắt buộc 102 tín chỉ và phần tự chọn tối thiểu 18 tín chỉ.

6. Thang điểm

Sử dụng thang điểm theo Quy định trong Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ hiện hành (của BGDDT và của Đại học Huế)

7. Nội dung chương trình

*Mô tả chương trình đào tạo:

Chương trình cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đào tạo theo cơ chế đặc thù gồm 59 học phần tương đương 152 tín chỉ. Trong đó sinh viên cần tích lũy 120 tín chỉ (102 tín chỉ bắt buộc, 18 tín chỉ tự chọn).

Để đảm bảo nguyên tắc của cơ chế đào tạo đặc thù ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trong chương trình **47 học phần** sẽ có sự tham gia giảng dạy của chuyên gia hoặc sinh viên sẽ đi thực tế, thực tập học phần tại các doanh nghiệp du lịch – lữ hành với các hoạt động tương ứng nội dung học phần được mô tả trong các đề cương chi tiết. Tỷ lệ thời lượng có sự tham gia của doanh nghiệp trong mỗi học phần này đều trên 50%. Các học phần này tập trung vào khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và kiến thức chuyên sâu của ngành.

12 học phần không có sự tham gia của chuyên gia và doanh nghiệp là 10 học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, 2 học phần mang tính đặc thù về lý thuyết thông kê kinh tế và phương pháp nghiên cứu khoa học.

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin	5	75	75 (100%)	0
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30 (100%)	0
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	45	45 (100%)	0
4	Tin học đại cương	3	45	45 (100%)	0
5	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	45	45 (100%)	0
6	Hướng nghiệp	2	30	30 (100%)	0
7	Pháp luật đại cương	2	30	30 (100%)	0
8	Kinh tế vi mô	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
9	Kinh tế vĩ mô	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
10	Quản trị học	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
11	Ngoại ngữ 1	3	45	45 (100%)	0
12	Ngoại ngữ 2	2	30	30 (100%)	0
13	Ngoại ngữ 3	2	30	30 (100%)	0

- **Giáo dục thể chất**

Chương trình đào tạo các học phần về Giáo dục thể chất được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo dành cho hệ đại học

- **Giáo dục quốc phòng - an ninh**

Chương trình đào tạo các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh được tổ chức theo “Quy định Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học” của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bộ Giáo dục và đào tạo đối với hệ đại học.

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84/116 tín chỉ

a) Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành): 30 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
14	Thông kê kinh doanh và kinh tế	3	45	45 (100%)	0
15	Nguyên lý kế toán	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
16	Marketing căn bản	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
17	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	3	45	45 (100%)	0
18	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
19	Giao tiếp trong kinh doanh	3	45	15	30

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
				(33,33%)	(66,67%)
20	Tổng quan du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
21	Marketing du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
22	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	45	15 (33,3%)	30 (66,7%)
23	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	3	45	15 (33,3%)	30 (66,7%)

b) Kiến thức ngành: 28/60 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
Bắt buộc		10			
24	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch I	2	30	12 (40%)	18 (60%)
25	Tâm lý du khách	2	30	10 (33,33%)	20 (66,67%)
26	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
27	Hệ thống tuyến điểm du lịch	3	45	20 (44,44%)	25 (55,56%)
Tự chọn		18/50			
28	Nhập môn thương mại điện tử	2	30	11 (36,67%)	19 (55,56%)
29	Nhập môn marketing điện tử	2	30	12 (40%)	18 (60%)
30	Quản trị lưu trú	2	30	0 (0%)	30 (100%)
31	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	2	30	12 (40%)	18 (60%)
32	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	30	12 (40%)	18 (60%)
33	Quản trị bán hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
34	Văn Hóa Huế	2	30	12 (40%)	18 (60%)

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
35	Địa lý du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
36	Văn hóa Đa quốc gia	2	30	12 (40%)	18 (60%)
37	Du Lịch Âm Thực	2	30	0	30 (100%)
38	Văn hóa và du lịch	2	30	12 (40%)	18 (60%)
39	Quản trị nhà hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
40	Quản trị dịch vụ spa và chăm sóc sức khỏe	2	30	12 (40%)	18 (60%)
41	Quản trị khu vui chơi giải trí	2	30	12 (40%)	18 (60%)
42	Quản lý điểm đến	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
43	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	12 (40%)	18 (60%)
44	Đàm phán kinh doanh	2	30	12 (40%)	18 (60%)
45	Kế toán tài chính	3	45	18 (40%)	27 (60%)
46	Du lịch MICE	2	30	12 (40%)	18 (60%)
47	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	3	45	18 (40%)	27 (60%)
48	Quản trị chiến lược	3	45	18 (40%)	27 (60%)
49	Quản lý hệ thống thông tin du lịch	3	45	18 (40%)	27 (60%)

* Kiến thức chuyên sâu của ngành chính: 10 tín chỉ

* **CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ LỮ HÀNH**

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
50.1	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	45	20	25

ub

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
				(44,44%)	(55,56%)
51.1	Kênh phân phối điện tử trong du lịch	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
52.1	Quản lý hợp đồng lữ hành	2	30	12 (40%)	18 (60%)
53.1	Thiết kế và điều hành tour	2	30	12 (40%)	18 (60%)

***CHUYÊN NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
50.2	Lịch sử Việt Nam	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
51.2	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2	3	45	15 (33,33%)	30 (66,67%)
52.2	Lễ tân ngoại giao	2	30	12 (40%)	18 (60%)
53.2	Bản đồ du lịch	2	30	12 (40%)	18 (60%)

c) Thực tập, kiến tập: 9 tín chỉ

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
	Thực tập	9			
54	Thực tập nghiệp vụ 1	3	45	0	45 (100%)
55	Thực tập nghiệp vụ 2	3	45	0	45 (100%)
56	Thực tập quản lý	3	45	0	45 (100%)

d) Làm khoá luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Điều kiện tốt nghiệp cuối khoá là sinh viên thực hiện khoá luận tốt nghiệp (mục A - 7 tín chỉ). Trong trường hợp không đủ điều kiện được làm khoá luận tốt nghiệp,

sinh viên sẽ phải thực hiện các học phần thay thế khoá luận (mục B - 7 tín chỉ) bao gồm thực hiện Chuyên đề tốt nghiệp (5 tín chỉ) và tham gia học phần Chuyên đề tổng hợp (2 tín chỉ). Cụ thể, học phần Chuyên đề Kinh doanh lễ hành (đối với chuyên ngành quản lý lễ hành) và Chuyên đề Nghệ thuật xử lý các tình huống trong du lịch (đối với chuyên ngành Hướng dẫn du lịch).

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Thời lượng (tiết)	Thời lượng giảng viên đào tạo	Thời lượng doanh nghiệp đào tạo
A	Làm khoá luận	7			
57	Khoá luận	7	105	0	105 (100%)
B	Học phần thay thế khoá luận	(7)			
58	Chuyên đề tổng hợp	2	30	0	30 (100%)
59	Chuyên đề tốt nghiệp	5	75	0	75 (100%)

Ghi chú: - Tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh không tính chung vào tổng khối lượng tín chỉ toàn khoá.

3.1.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Lịch trình đào tạo được tổ chức như sau: Những học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức cơ sở ngành và được tổ chức học vào các học kỳ 1, 2, 3; kiến thức ngành được tổ chức đào tạo từ học kỳ 4 trở đi.

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ, bao gồm:

- Phần kiến thức giáo dục đại cương phải tích lũy tối thiểu: 36 tín chỉ
- Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp phải tích lũy tối thiểu: 68/ tín chỉ (trong đó: bắt buộc 50 tín chỉ; tự chọn tối thiểu: 18/50 tín chỉ).
- Phần thực tập, kiến tập: 9 tín chỉ
- Phần làm khoá luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ
- Nếu sinh viên không được giao làm khoá luận tốt nghiệp phải làm chuyên đề tốt nghiệp (5 tín chỉ) và theo học *Chuyên đề Kinh doanh lễ hành* (đối với chuyên ngành quản lý lễ hành) hoặc *Chuyên đề Nghệ thuật xử lý các tình huống trong du lịch* (đối với chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) 2 tín chỉ./.

nb